TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1996

2. Bị đơn: Anh Ngô Quang T, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Chị H, vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Ngô Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/10/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, bạo lực gia đình. Anh T không lo làm ăn, dính vào tệ nạn xã hội, ghen tuông vô cớ, luôn chửi bới, hắt hủi, đánh dập, đe dọa giết chị. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng. Hai bên gia đình đã cố gắng giàn xếp nhiều lần nhưng kết quả không thành, anh T không thay đổi và bạo lực gia đình vẫn tiếp tục xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Gia P, sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay, cháu đang ở với anh T và ông bà nội. Anh T làm nghề tự do hay vắng nhà, chủ yếu do ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Gia P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm Giáo viên tại Trường Mầm non V, mức thu nhập lương ổn định: 6.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Ngô Quang T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án và không chấp hành theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

3. Tại Giấy báo cáo của ông Ngô Quang Th là bố đẻ của anh Ngô Quang T trình bày: Anh T đã nhận được thông báo, giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án giao nhưng do bận công việc nên anh T không đến Tòa án làm việc được. Hiện nay, anh T đang ở với ông Th và con trai là cháu Ngô Gia P. Ông đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ hỗ trợ chăm sóc cháu.

4. Biên bản xác minh ngày 06/4/2021, đại diện UBND xã Đ cung cấp: Anh Ngô Quang T và chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện T. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ năm 2017. Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Ngô Gia P, sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay, cháu Gia P đang sống cùng anh T và ông bà nội là ông Ngô Quang Th và bà Lê Thị D. Cháu Gia P học tập và phát triển tốt. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn Ngô Quang T. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Gia P. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã Đ, huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng tại phiên họp và phiên tòa anh đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Ngô Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Đ cấp ngày 05/10/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra xô xát, cuộc sống trong gia đình luôn căng thẳng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có nguyện vọng gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Ngô Gia P sinh ngày 14/5/2015. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia P. Chị H làm Giáo viên tại Trường Mầm non V, mức thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con. Anh T không có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Gia P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật HNGĐ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Quang T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Ngô Gia P sinh ngày 14/5/2015. Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia P. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2019/0013485 ngày 01/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu